

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Dành cho sinh viên tất cả các chuyên ngành)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

Mã học phần: DCB.03.14

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

+ Lý thuyết và thực hành: 18 tiết

+ Bài tập lớn, thảo luận, kiểm tra: 16 tiết

+ Kiểm tra: 2 tiết.

Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị Giảng viên phụ trách chính học phần: - Tên: Nguyễn Thị Nguyên - Chức danh: Giảng viên

- Thông tin liên hệ: 0943436479; gmail: ntnguyen77@gmail.com Giảng viên cùng giảng dạy:

- Tên: Dương Thị Hà

- Thông tin liên hệ: 0967186900; gmail: haduong2988@gmail.com

2. Các môn học tiên quyết: Không có

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về hệ thống cương lĩnh, đường lối, tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng qua các thời kỳ

Về kỹ năng: Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Về thái độ: Giúp sinh viên có ý thức, nhận thức được rõ hơn vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị Xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, góp phần tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên:

CLO 01: Có khả năng **nhớ** được các mốc lịch sử, Đảng CSVN ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn toàn giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

CLO 02: Có khả năng **hiểu** được ý nghĩa của việc học tập bộ môn Lịch sử Đảng CSVN, có nhận thức đúng đắn về thực tiễn lịch sử và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống lại mọi thế lực thù địch, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, mang lại hoà bình, tự do cho nhân dân, lãnh đạo cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, xây dựng xã hội phát triển, giàu đẹp.

CLO 03: Có khả năng **vận dụng** được kiến thức, sự hiểu biết về Đảng CSVN để nâng cao trình độ lý luận, đấu tranh phản biện với những thông tin thù địch, sai trái, từ đó thêm tin tưởng vào chế độ chính trị Xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

CLO 04: Có khả năng **phân tích** khoa học, khách quan lịch sử ra đời và phát triển của Đảng CSVN với gắn liền với tiến trình lịch sử của dân tộc ta từ đầu thế kỷ 20, từ đó nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạng đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

CLO 05: Có khả năng **đánh giá** được, liên kết được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về sự nghiệp cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng, phát triển.

CLO 06: Có khả năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, trang bị năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử Đảng CSVN.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 |
|----------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| CLO 1 | H | | | | | | | | | | |
| CLO 2 | H | | | | | | | | | | |
| CLO 3 | H | | | | | | | | | | |
| CLO 4 | H | | | | | | | | | | |
| CLO5 | H | | | | | | | | | | |
| CLO 6 | H | | | | | | | | | | |
| TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN | H | | | | | | | | | | |

[Ghi chú: Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (high) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H – cao; M – vừa; L – thấp – phù thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (H). Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khi xây dựng bảng này]

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| Hình thức đánh giá | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi) | H | | M | | H | |
| Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv) | M | | H | M | M | M |
| Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề) | M | H | M | M | H | M |
| Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp) | H | M | H | M | M | M |
| Thực hành (tập diễn tình huống, thực tập, thí nghiệm) | | | | | | |
| Kiểm tra giữa kỳ | H | M | M | M | H | M |
| Kiểm tra cuối kỳ (tự luận, trắc nghiệm) | H | M | H | M | M | M |

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Dạy học nhóm | H | H | M | H | M | M |
| Nghiên cứu tình huống điển hình | | M | H | H | H | H |
| (Case study) | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Trò chơi (Gamification) | | | | | | |
| Dạy học theo dự án (Project-based learning) | | | | | | |
| Nêu và giải quyết vấn đề | | M | H | M | M | M |
| Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng) | H | H | M | H | H | H |

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao - Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ - Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình
- Slides bài giảng của giảng viên

6.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII – NXB Chính trị Quốc gia. HN 2016.
- 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn tập, từ tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998-2018.
- 3) Đảng Cộng sản Việt Nam 80 xây dựng và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về hệ thống cương lĩnh, đường lối, tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng qua các thời kỳ. Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức, nhận thức được rõ hơn vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị Xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, góp phần tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

8. Kế hoạch giảng dạy:

| Bài | Nội dung giảng dạy | Số tiết | | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|--------------------|---------|--------|------------------------|
| | | LT, KT | BT, TL | |
| | | | | |

| | | | | |
|--------------|--|-------------|-------------|---|
| Bài 1 | <p>Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng CSVN.</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> | 2 lý thuyết | 2 thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| Bài 2 | <p>Chương I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng</p> <p>1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| Bài 3 | <p>Chương I (tiếp).</p> <p>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh chính quyền (1930-1945)</p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1933</p> <p>2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939</p> | 2 lý thuyết | 2 thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| Bài 4 | <p>Chương I. (tiếp)</p> <p>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh chính quyền (1930-1945)</p> <p>2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p>2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Các mạng Tháng Tám năm 1945.</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

| | | | | |
|--------------|---|---|-------------------------|--|
| Bài 5 | <p>Chương II. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954)</p> <p>1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945- 1946)</p> <p>1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946(1950)</p> | <p>1 lý thuyết</p> <p>3 tiết kiểm tra</p> | <p>1 tiết thảo luận</p> | <p>Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV</p> |
| Bài 6 | <p>Chương II (tiếp)</p> <p>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954)</p> <p>1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.</p> | <p>2 lý thuyết</p> | <p>1 thảo luận</p> | <p>Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV</p> |
| Bài 7 | <p>Kiểm tra định kỳ (45 phút)</p> <p>Chương II. (tiếp)</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 -1975)</p> <p>2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954-1965</p> <p>2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975</p> <p>2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 -1975</p> | <p>2 lý thuyết</p> | <p>1 thảo luận</p> | <p>Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV</p> |
| Bài 8 | <p>Chương III.Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)</p> <p>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc (1975 – 1986)</p> <p>1.1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975 -1981</p> <p>1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986</p> | <p>2 lý thuyết</p> | <p>1 thảo luận</p> | <p>Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV</p> |

| | | | | |
|---------------|--|--------------------------------|------------------|---|
| Bài 9 | Chương III (tiếp) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) 2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 | 2 lý thuyết | 1 thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| Bài 10 | Chương III (tiếp) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) 2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới | 1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra | 1 tiết thảo luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| | Tổng cộng | 20 | 16 | |

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường: 301, 401, 501, 601, 701
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Máy chiếu, màn hình chiếu, máy tính, bảng, phấn ...

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá | CDR học phần | Tiêu chí đánh giá | Chuẩn đánh giá | Trọng số (%) |
|------------------------|--|----------------|--|----------------|--------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1: Chuẩn bị bài ở nhà | CLO 01, 07 | Trả lời được các câu hỏi của giảng viên. | Thang điểm 10 | 20 |
| | A1.2: Thái độ học tập, làm việc nhóm | CLO 02, 03, 06 | Tham gia đầy đủ các bài thảo luận | Thang điểm 10 | 20 |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | A2.1: Các bài báo cáo cá nhân | CLO 04, 05 | Viết tay; đánh máy, trình bày chi tiết, rõ ràng, chính xác | Thang điểm 10 | 20 |
| | A2.2: Thuyết trình kết quả thí nghiệm (báo cáo nhóm) | CLO 04, 05 | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint | Thang điểm 10 | 20 |

| | | | | | |
|--|-----------------------|--------------------|---------------|---------------|----|
| | A2.3: Bài thi tự luận | CLO 01, 02, 05, 06 | 3 câu/10 điểm | Thang điểm 10 | 20 |
|--|-----------------------|--------------------|---------------|---------------|----|

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Bài thảo luận số 01: Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và Mỹ can thiệp (1945-1954)

Mô tả chi tiết

Lớp được chia thành các nhóm từ 5 bạn trở lên

Trước bài thảo luận mỗi nhóm cần:

- (1) nghiên cứu kỹ đề tài thảo luận được cho trước (2) nhóm trưởng phân công các thành viên đọc các tài liệu được GV hướng dẫn và phân công thành viên ghi chép, thu thập tài liệu.
- (3) mỗi nhóm trình bày (bằng màn hình chiếu hoặc nói xuống, một người đại diện hoặc kết hợp các thành viên...) trước lớp khoảng 10 phút.
- (4) Trả lời câu hỏi, phản biện lại ý kiến của các nhóm khác.
- (5) Nghe giảng viên bộ môn nhận xét.

Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:

- (1) lựa chọn một hoặc nhiều hơn các đề tài thảo luận.
- (2) gọi một hay hai nhóm **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của đề tài được lựa chọn.
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về đề tài thảo luận
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và giải thích những phần kiến thức sinh viên hiểu sai hoặc còn thiếu sót.
- (5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.
- (6) Sau mỗi buổi thảo luận, **tất cả** các nhóm cần nộp lại sản phẩm đã chuẩn bị (kể cả nhóm không trình bày).

Giáo viên chấm điểm bài summary và trình bày của nhóm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

Tiêu chí đánh giá (Rubrics)

| Tiêu chí | Yếu (dưới 5 điểm) | Trung bình (5-6 điểm) | Khá (7-8 điểm) | Giỏi (9-10 điểm) |
|---|---|--|--|--|
| (1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận 25% | Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình. | Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao. | Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ. | Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ. |

| | | | | |
|---|---|--|---|--|
| (2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao 25% | Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao. | Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài. | Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận. | Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao. |
| (3) Tính rõ ràng 20% | Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết. | Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. |
| (4) khả năng làm việc nhóm, 10% | Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài. | 2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung. | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú. | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ. |
| (5) Người thuyết trình 10% | Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai. | Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu. | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải. | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, |
| | | | | có tương tác với người nghe. |
| (6) Trả lời câu hỏi của khán giả 10% | Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên. | Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi. | Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi. | Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi. |

Chú ý: Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.

- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

Bài tập 02: Kiểm tra viết (tự luận)

Câu hỏi dự kiến:

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng CSVN tháng 2-1930.

2. Đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975.

Mô tả chi tiết

Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ được đánh số báo danh và phát đề chẵn-lẻ. Điểm bài viết của sinh viên sẽ được cộng với điểm tham gia thảo luận, điểm kiểm tra miệng sau đó chia trung bình và được tính là điểm kiểm tra định kỳ.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

Tiêu chí đánh giá bài viết:

| Thang điểm | Nội dung bài viết | Tính mạch lạc và liên kết văn bản | Hiệu ứng đối với người đọc |
|-------------------|--|---|---|
| 9- 10 | Nội dung đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết Đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ | Bố cục rõ ràng, văn phong mạch lạc. | Tạo ấn tượng tốt với người đọc |
| 7- 8 | Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết Trả lời đủ các ý | Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, văn phong | Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc. |
| | theo yêu cầu bài viết | phù hợp. | |
| 5- 6 | Thực hiện được một số các yêu cầu bài viết Có đủ các ý chính tuy có thể thêm một vài ý nhỏ khác | Bố cục bài viết chưa thực sự tốt, câu cú còn đôi chỗ lủng củng. | Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc. |

| | | | |
|-----|--|---|---|
| 3-4 | Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu bài viết Thiếu một số ý cơ bản trong bài viết hoặc ý không phù hợp | Bố cục không rõ ràng, văn phong viết không phù hợp. | Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc. |
| 1-2 | Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết | Bố cục không rõ ràng gây khó hiểu hoặc không truyền đạt được thông tin. Viết không đúng văn phong. | Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc. |
| 0 | Không đạt được yêu cầu nào. Viết được dưới 25% số từ được yêu cầu hoặc bài viết không phù hợp về nội dung. | | |

10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

P. Trưởng Khoa



ThS. Đinh Thế Lạp

Trưởng bộ môn



ThS. Đinh Thế Lạp

Người soạn Đề cương



ThS. Đinh Thế Lạp